

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 17/2018/TLST-VHNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu: 1. Bà Lâm Thị K, cư trú: đường K, khóm E, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Ông Trần H, cư trú: đường T, khóm A, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lâm Thị K và ông Trần H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Lâm Thị K và ông Trần H đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: bà Lâm Thị K và ông Trần H trình bày, ông bà có 01 người con chung tên Trần Anh T, sinh ngày 17/12/2015. Hiện cháu T đang ở cùng với bà Lâm Thị K. Sau khi ly hôn, bà Lâm Thị K và ông Trần H thống nhất giao cháu Trần Anh T, sinh ngày 17/12/2015 cho bà Lâm Thị K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hàng tháng ông Trần H đóng góp cho bà Lâm Thị K số tiền 1.000.000 đồng để cấp dưỡng nuôi cháu Trần Anh T, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 3 năm 2018 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Ông Trần H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc cháu Trần Anh T mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: bà Lâm Thị K và ông Trần H trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: bà Lâm Thị K và ông Trần H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: bà Lâm Thị K và ông Trần H mỗi người đồng ý chịu số tiền 150.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà bà Lâm Thị K và ông Trần H đã nộp theo biên lai thu số 0000220 và 0000219 cùng ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND phường Y, TPS (số 52; ngày 11/5/2017)
- VKSND;
- Chi cục THADS;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thúy Uyên